CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

TẠI NGÀY 30/06/2026

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
Tầng 4, 5, 6 Tòa nhà Thành Công, Ô đất P-D17 Khu đô thị Cầu Giấy, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

I. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 3
II. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ 3
1. Cấu phần vốn tự có của PGBank 3
2. Giá trị vốn tự có của PGBank 3
III. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 4
1. Quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn 4
2. Kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật 4
3. Tỷ lệ an toàn vốn và các cấu phần 4
IV. RỦI RO TÍN DỤNG 4
1. Nội dung định tính 5
2. Nội dung định lượng 6
V. RỦI RO HOẠT ĐỘNG 9
1. Nội dung định tính 9
2. Nội dung định lượng 9
VI. RỦI RO THỊ TRƯỜNG 11
1. Nội dung định tính 11
2. Nội dung định lượng 12

Danh mục từ ngữ viết tắt

STT	Từ ngữ viết tắt	Diễn giải
1	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	TCTD	Tổ chức tín dụng
3	BCKQ HĐKD	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
5	RRTD	Rủi ro tín dụng
6	GTCG	Giấy tờ có giá
7	TSCRR	Tài sản có rủi ro

I. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Bản công bố thông tin về Tỷ lệ an toàn vốn thời điểm 30/06/2026 do Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) lập và công bố để đáp ứng quy định của NHNN tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 quy định về Tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung (Thông tư 41). Các thông tin trong Bản công bố thông tin được PGBank thu thập và tính toán theo quy định tại Thông tư 41 và Quy định nội bộ của PGBank.

Tại thời điểm 30/06/2026, PGBank không có công ty con, công ty liên kết. Do đó, PGBank không phát sinh Báo cáo Tài chính hợp nhất.

II. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

1. Cấu phần vốn tự có của PGBank

Theo quy định của Thông tư 41, Vốn tự có của PGBank bao gồm:

a) Các cấu phần chính của Vốn cấp 1

- Vốn điều lệ (vốn đã được cấp, vốn đã góp).
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.
- Quỹ dự phòng tài chính.
- Lợi nhuận chưa phân phối.
- Thặng dư vốn cổ phần.

b) Các cấu phần chính của Vốn cấp 2

- 80% dự phòng chung theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Giá trị vốn tự có của PGBank

Bảng 01: Vốn tự có của PGBank tại ngày 30/06/2026

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/06/2026
Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	8.212,38
Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	294,97
Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	0,00
Vốn tự có	**8.507,35**

III. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn

PGBank đã ban hành Quy định tính toán và quản lý Tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ theo Thông tư 41, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm của các bên liên quan trong việc nhập dữ liệu, tính toán, rà soát và báo cáo về Tỷ lệ an toàn vốn cũng như xử lý trong trường hợp Tỷ lệ an toàn vốn vi phạm các ngưỡng.

2. Kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật

Để đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PGBank, Ngân hàng đã xây dựng quy định đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Theo đó, việc đánh giá nội bộ về mức đủ vốn được thực hiện định kỳ hàng năm và đột xuất khi có thay đổi về môi trường, kế hoạch kinh doanh, các yếu tố có thể tác động đến rủi ro, nguồn vốn dẫn đến không đáp ứng được chỉ tiêu về vốn của khẩu vị rủi ro nhằm kiểm tra sức chịu đựng về vốn trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi, làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của PGBank.

3. Tỷ lệ an toàn vốn và các cấu phần

Bảng 02: Tỷ lệ an toàn vốn và các cấu phần

ĐVT: Tỷ đồng; %

Chỉ tiêu	30/06/2026
A. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	62.798,00
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	62.772,31
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	25,69
B. Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	67,39
C. Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	348,04
D. Tổng tài sản có rủi ro = (A) + [(B) + (C)] * 12,5	**67.469,65**
Tỷ lệ an toàn vốn	
E. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	12,08%
F. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	12,51%

IV. RỦI RO TÍN DỤNG

1. Nội dung định tính

1.1 Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

a. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng của PGBank được quy định trong Quy chế Khung Quản lý rủi ro và Quy chế về chính sách Quản lý rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng được ban hành và rà soát, cập nhật thường xuyên đảm bảo công tác quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện hiệu quả trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng phù hợp với quy định của NHNN, các quy định của pháp luật có liên quan và định hướng phát triển của PGBank trong từng thời kỳ.

b. Mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng của PGBank nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trên cơ sở cân bằng giữa mức độ chấp nhận rủi ro và tăng trưởng tín dụng bền vững, bảo đảm duy trì an toàn hoạt động thông qua việc tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật, kiểm soát chất lượng tài sản và nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường.

c. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng được tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ, bảo đảm sự độc lập giữa chức năng kinh doanh/tín dụng, chức năng quản lý rủi ro và chức năng kiểm toán nội bộ, bảo đảm độc lập trong việc nhận diện, đo lường, giám sát, phản biện và đánh giá rủi ro. Quy trình tín dụng được thực hiện xuyên suốt từ khâu thẩm định, phê duyệt, giải ngân, giám sát sau cho vay đến thu hồi nợ và xử lý nợ.

d. Để kiểm soát chất lượng tín dụng trên toàn danh mục, PGBank áp dụng đồng bộ hệ thống chính sách, quy định và công cụ quản lý rủi ro tín dụng, bao gồm: quy định cấp tín dụng; phân cấp thẩm quyền phê duyệt; hệ thống giới hạn và hạn mức tín dụng; cơ chế nhận diện, đo lường, theo dõi và cảnh báo sớm rủi ro; quản lý tài sản bảo đảm; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; đồng thời giám sát mức độ tập trung tín dụng theo khách hàng, nhóm khách hàng, ngành nghề, sản phẩm v.v.

e. Đối với mục đích tính toán tỷ lệ an toàn vốn, PGBank thực hiện đo lường rủi ro tín dụng theo quy định tại Thông tư 41. Bên cạnh đó, PGBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng và đánh giá tác động của các kịch bản bất lợi làm cơ sở xác định mức đủ vốn nội bộ và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro.

1.2 Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính

Khi tính Tỷ lệ an toàn vốn, PGBank sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm bao gồm Moody's, Standard & Poor và Fitch Rating. Đây là các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập được NHNN chấp thuận theo Thông tư 41.

1.3 Danh mục các biện pháp đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng tại PGBank

Hiện tại PGBank đang sử dụng biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng là TSBĐ và bù trừ số dư nội bảng. Với biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng TSBĐ, các TSBĐ được xét thực hiện giảm thiểu rủi ro tín dụng bao gồm:

- Tiền mặt, GTCG, thẻ tiết kiệm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành.
- GTCG do Chính phủ Việt Nam, NHNN phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán.
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.

2. Nội dung định lượng

2.1 Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo từng doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn

Bảng 03: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo thứ hạng tín nhiệm

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	Khoản phải đòi	Thứ hạng tín nhiệm	Hệ số rủi ro	30/06/2026
1	Khoản phải đòi chính phủ, ngân hàng Trung ương các nước, tổ chức công lập của chính phủ (non-central government public sector entities (PSEs), chính quyền địa phương các nước	Từ AAA đến AA-	0%	-
		Từ A+ đến A-	20%	-
		Từ BBB+ đến BBB-	50%	-
		Từ BB+ đến B-	100%	-
		Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-
2	Khoản phải đòi tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả TCTD nước ngoài), chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	Từ AAA đến AA-	20%	-
		Từ A+ đến BBB-	50%	-
		Từ BB+ đến B-	100%	-
		Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-
3	Khoản phải đòi TCTD trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)	Từ AAA đến AA-	20%	-
		Từ A+ đến BBB-	50%	-
		Từ BB+ đến BB-	80%	1.707,76
		Từ B+ đến B-	100%	4.617,76
		Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	3.370,90
4	Khoản phải đòi TCTD trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)	Từ AAA đến AA-	10%	0,04
		Từ A+ đến BBB-	20%	-
		Từ BB+ đến BB-	40%	1.906,74
		Từ B+ đến B-	50%	1.029,01
		Dưới B- hoặc không có xếp hạng	70%	895,24
	TỔNG			**13.527,45**

2.2 Tài sản tính theo rủi ro tín dụng

Bảng 04: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	Đối tượng	30/06/2026
I	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng**	**62.772,31**
1	Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, Công ty mua bán nợ của Tổ chức tín dụng (VAMC)	131,14
2	Khoản phải đòi các Tổ chức tín dụng, Tổ chức tài chính	13.553,14
3	Khoản phải đòi Doanh nghiệp không phải là Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	34.152,01
4	Khoản phải đòi đảm bảo bằng bất động sản	685,34
5	Khoản phải đòi thế chấp nhà ở	779,69
6	Cho vay nông nghiệp, nông thôn	369,56
7	Khoản phải đòi bán lẻ	10.257,96
8	Nợ xấu	1.719,84
9	Các loại tài sản khác	1.123,61
II	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác**	**25,69**
	Tổng	**62.798,00**

2.3 Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Bảng 05: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	Ngành	30/06/2026
I	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng**	**62.772,31**
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	2.665,84
2	Khai khoáng	713,77
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.263,98
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	594,96
5	Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	21,92
6	Xây dựng	7.502,84
7	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.591,38
8	Vận tải kho bãi	786,38
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.416,85
10	Thông tin và truyền thông	174,40
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	21.504,46
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.489,91
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	185,58
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	205,26
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	0,80
16	Giáo dục và đào tạo	118,57
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	226,19
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	127,89
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.047,41
20	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-
21	Hoạt động dịch vụ khác	3.175,78
22	OTHERS	958,12
II	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác**	**25,69**
	TỔNG	**62.798,00**

2.4 Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Bảng 06: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu RRTD

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Đối tượng	TSCRR tín dụng trước giảm thiểu RRTD	Giảm thiểu RRTD bằng TSBĐ	Giảm thiểu RRTD bằng bù trừ nội bảng	TSCRR tín dụng sau giảm thiểu RRTD
I	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng**	**82.560,29**	**21.358,97**	**7.490,26**	**62.772,31**
1	Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, Công ty mua bán nợ của Tổ chức tín dụng (VAMC)	131,14	-	-	131,14
2	Khoản phải đòi các Tổ chức tín dụng, Tổ chức tài chính	21.898,49	15.756,63	1.501,49	13.527,45
3	Khoản phải đòi Doanh nghiệp không phải là Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	42.622,03	4.720,81	3.725,27	34.177,71
4	Khoản phải đòi đảm bảo bằng bất động sản	694,99	5,32	8,98	685,34
5	Khoản phải đòi thế chấp nhà ở	775,22	-	2,25	779,69
6	Cho vay nông nghiệp, nông thôn	373,11	0,10	6,99	369,56
7	Khoản phải đòi bán lẻ	13.215,99	870,86	2.243,69	10.257,96
8	Nợ xấu	1.725,70	5,25	1,58	1.719,84
9	Các loại tài sản khác	1.123,61	-	-	1.123,61
II	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác**	**25,69**	-	-	**25,69**
	TỔNG	**82.585,98**	**21.358,97**	**7.490,26**	**62.798,00**

V. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

1. Nội dung định tính

a) Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động của PGBank được thiết lập trên cơ sở các quy định pháp luật, được cụ thể hóa tại các văn bản: Quy chế hệ thống kiểm soát nội bộ, Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên ngôn Khẩu vị rủi ro, Quy định Quản lý rủi ro hoạt động và các văn bản quy định, quy trình về các công cụ quản lý rủi ro hoạt động.

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động của PGBank được phổ biến tới các cá nhân, đơn vị tại PGBank để hiểu và thực hiện, được rà soát định kỳ và/hoặc đột xuất để điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ ngân hàng, an toàn, hiệu quả, hạn chế rủi ro và phù hợp với chiến lược, định hướng kinh doanh của PGBank trong từng thời kỳ. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm:

- Thiết lập nguyên tắc thực hiện quản lý rủi ro hoạt động gồm:

✓ PGBank đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của PGBank;

- ✓ Quản lý rủi ro hoạt động là trách nhiệm của HĐQT, Ban điều hành và mọi Khối, Trung tâm, Phòng ban, Chi nhánh, Phòng giao dịch và toàn bộ cán bộ, nhân viên PGBank. Quản lý rủi ro hoạt động thực hiện toàn diện theo mô hình 03 Tuyến bảo vệ theo quy định tại Quy chế hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo rủi ro hoạt động được nhận diện đầy đủ, không bị chồng chéo trách nhiệm trong kiểm soát và quản lý rủi ro hoạt động;
- ✓ PGBank thực hiện nhận diện đầy đủ rủi ro hoạt động trong tất cả các giao dịch, sản phẩm, hoạt động, quy trình nghiệp vụ, hệ thống thông tin, rủi ro từ bên thứ ba;
- ✓ PGBank tích hợp công tác quản lý rủi ro hoạt động vào tất cả các hoạt động kinh doanh, vận hành, hỗ trợ. Để quản lý rủi ro hiệu quả, các Đơn vị tại PGBank cần bố trí thời gian và nguồn lực để đưa các nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động vào từng quy trình và hoạt động;
- ✓ PGBank chấp nhận các rủi ro hoạt động trong phạm vi khẩu vị rủi ro được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- ✓ Các cán bộ nhân viên có trách nhiệm báo cáo khi phát hiện tổn thất, sự kiện rủi ro, hành vi gian lận vi phạm đạo đức nghề nghiệp, điểm yếu kiểm soát, hoặc các dấu hiệu bất thường tới Khối Quản trị rủi ro và các cấp có thẩm quyền theo quy định của PGBank ban hành trong từng thời kỳ. Các hành vi che giấu hoặc cố tình không báo cáo sẽ bị xử lý theo quy định của PGBank và Pháp luật;
- ✓ PGBank đảm bảo quản lý rủi ro hoạt động phải được truyền thông, đào tạo định kỳ/đột xuất tới tất cả cán bộ nhân viên;
- Thiết lập khẩu vị rủi ro hoạt động và giám sát, theo dõi, báo cáo.
- Xây dựng nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ, kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục.
- PGBank sử dụng các công cụ nhằm đánh giá, đo lường rủi ro hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hướng tới sự phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế như: Sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; Quản lý sự kiện; Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài; Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (RCSA); Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu, …

b) Quản lý hoạt động kinh doanh liên tục

- Nguyên tắc quản lý hoạt động kinh doanh liên tục: PGBank xây dựng, phê duyệt, duy trì và định kỳ cập nhật kế hoạch duy trì hoạt động liên tục để đảm bảo khả năng ứng phó, phục hồi và tiếp tục kinh doanh, cung ứng hoạt động ngân hàng trong các tình huống gián đoạn nghiêm trọng, phù hợp với khẩu vị rủi ro, năng lực tài chính và định hướng kinh doanh của Ngân hàng.
- PGBank xây dựng Quy định Quản lý hoạt động kinh doanh liên tục, Quy định bảo đảm an ninh và ứng phó với các tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn, duy trì hoạt động kinh doanh liên tục quản lý khủng hoảng cho Ngân hàng, cụ thể:

- ✓ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, Đơn vị khi xảy ra sự cố gián đoạn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh liên tục của PGBank.

- ✓ Xây dựng các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục đối với các sự cố hệ thống CNTT trọng yếu; sự cố mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; sự cố thiếu hụt nhân sự; sự cố rút tiền hàng loạt, các sự cố bất khả kháng khác ...
- ✓ Quy định về công tác thử nghiệm, diễn tập nhằm đánh giá hiệu quả của kế hoạch duy trì hoạt động liên tục.
- Định kỳ sửa đổi/cập nhật kế hoạch kinh doanh liên tục và thông tin đến các cá nhân, Đơn vị trên liên quan.

2. Nội dung định lượng

Bảng 07: Chỉ số kinh doanh và các cấu phần của chỉ số kinh doanh

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	Khoản mục trên BCKQ HĐKD	Mục	30/06/2026
1	|Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự - Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự|	IC	521,52
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ + Chi phí hoạt động dịch vụ + Thu nhập từ hoạt động dịch vụ khác + Chi phí hoạt động khác	SC	(5,90)
3	|Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (bao gồm cả vàng tiêu chuẩn)| + |Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh chứng khoán phi đầu tư| + |Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh chứng khoán đầu tư|	FC	25,33
4	Chỉ số kinh doanh (=(1)+(2)+(3)	BI	540,94
	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	**KOR**	**348,04**

VI. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

1. Nội dung định tính

a) Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- Chính sách quản lý rủi ro thị trường quy định tại các văn bản Quy chế Khung quản lý rủi ro và Chính sách quản lý rủi ro, được thể hiện cụ thể qua các văn bản quy định về Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro thị trường và các nội dung khác trong Quy định Quản lý rủi ro thị trường đã được ban hành.
- PGBank thực hiện quản lý rủi ro thị trường theo nguyên tắc tập trung hóa rủi ro tại Hội sở chính; tuân thủ các hạn mức và khẩu vị rủi ro đã được ban hành; quản lý rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường và điều kiện thị trường biến động mạnh; quản lý trạng thái rủi ro thị trường của danh mục sổ kinh doanh để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp và báo cáo theo quy định nội bộ/quy định của NHNN.

b) Mô hình quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro thị trường tại PGBank xây dựng theo mô hình 3 tuyến bảo vệ độc lập[1] phân định trách nhiệm cụ thể, bảo đảm không xung đột lợi ích, và có tính phối hợp trong việc nhận diện, đo lường, theo dõi và giám sát, kiểm soát, báo cáo đầy đủ rủi ro.

c) Chiến lược tự doanh

- Căn cứ Quy định của NHNN và quy định nội bộ, Chiến lược tự doanh của PGBank đối với những sản phẩm phát sinh rủi ro thị trường dựa trên mục tiêu đa dạng hóa nghiệp vụ, tăng doanh số giao dịch và nâng cao hình ảnh, vị thế của PGBank trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo quy định đánh giá rủi ro thị trường và có hạn mức rủi ro thị trường trước khi triển khai thực tế.
- PGBank thực hiện hoạt động tự doanh với hai nghiệp vụ là giao dịch tự doanh ngoại tệ dựa trên chênh lệch giá mua/bán cặp ngoại tệ và giao dịch tự doanh chứng khoán trên thị trường vốn qua kênh giao dịch trực tuyến qua hệ thống giao dịch điện tử (phương tiện điện tử), điện thoại ghi âm, hệ thống máy tính,...và được kiểm soát rủi ro thông qua việc giám sát chặt chẽ các hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên, hạn mức cắt lỗ, hạn mức dừng lãi và được đánh giá lãi/lỗ dự kiến theo tỷ giá tham chiếu hàng ngày.
- Hoạt động tự doanh ở PGBank được thực hiện dựa trên quan điểm thận trọng với các nguyên tắc như sau:
  - ✓ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ của PGBank ban hành trong từng thời kỳ về hoạt động tự doanh nói chung và các hoạt động kinh doanh cụ thể gắn với từng loại giao dịch và công cụ nói riêng;
  - ✓ Phù hợp với chiến lược phát triển chung, chiến lược quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro của PGBank, đảm bảo cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và kiểm soát, phòng ngừa rủi ro;
  - ✓ Hoạt động tự doanh phải được kiểm soát xung đột lợi ích giữa các cá nhân, bộ phận giám sát, theo dõi, phê duyệt giao dịch tự doanh với các cá nhân, bộ phận thực hiện giao dịch tự doanh;
  - ✓ Hoạt động tự doanh của PGBank được tiến hành trên cơ sở đánh giá, cân nhắc các diễn biến, xu hướng thị trường trong ngắn hạn cũng như dự báo trong dài hạn; sử dụng linh hoạt các sản phẩm giao dịch, loại hình giao dịch tự doanh thuộc chiến lược tự doanh theo Quyết định này một cách phù hợp để tận dụng các cơ hội thị trường, hưởng chênh lệnh về tỷ giá, lãi suất...
- Danh mục sổ kinh doanh của PGBank 6 tháng đầu năm 2026: Giao dịch ngoại tệ giao ngay (FX Spot), giao dịch ngoại tệ kỳ hạn (FX Forward), giao dịch ngoại tệ hoán đổi (FX Swap), giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ.

[1] Như quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Mục IV Rủi ro tín dụng.

2. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Bảng 08: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Vốn yêu cầu theo các loại rủi ro	30/06/2026
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	19,50
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	47,89
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-
5	Vốn yêu cầu cho rủi ro quyền chọn	-
	Tổng vốn yêu cầu cho RRTT	**67,39**

Hà Nội, ngày tháng 09 năm 2026

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 1400116233 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hương